

TỔNG
CÔNG TY
MÁY
ĐỘNG LỰC
VÀ MÁY
NÔNG
NGHIỆP
VIỆT NAM
CTCP

Digitally signed by TỔNG
CÔNG TY MÁY ĐỘNG
LỰC VÀ MÁY NÔNG
NGHIỆP VIỆT NAM -
CTCP
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L
=TÂY HỒ, CN=TỔNG
CÔNG TY MÁY ĐỘNG
LỰC VÀ MÁY NÔNG
NGHIỆP VIỆT NAM -
CTCP,
OID.0.9.2342.19200300.1
00.1.1=MST.0100103866
Reason: I am the author
of this document
Location:
-Date: 2026.08.27
14:42:17+07'00'
Foxit PDF Editor Version:
13.1.2

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 06 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2026



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày phê duyệt báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|---------------------------|----------------------------|
| 1. Ông Ngô Khải Hoàn | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. Ông Nguyễn Hoàng Giang | Thành viên |
| 3. Ông Nguyễn Tiến Vỹ | Thành viên |
| 4. Ông Ngô Quang Trung | Thành viên |
| 5. Bà Nguyễn Thị Hoa | Thành viên |
| 6. Bà Trần Thị Nguyệt | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|---------------------------|-------------------|
| 1. Ông Nguyễn Hoàng Giang | Tổng Giám đốc |
| 2. Ông Lê Minh Quy | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Phạm Anh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. Ông Lê Công Hoàng | Phó Tổng Giám đốc |

Ban Kiểm soát

- | | |
|-----------------------------|----------------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Phương Lan | Trưởng ban kiểm soát |
| 2. Bà Nguyễn Thị Diên | Thành viên |
| 3. Bà Lê Thị Thanh Bình | Thành viên |

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Hoàng Giang - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hoàng Giang
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2026

Số: 082202/2026/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy Động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Máy Động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 22 tháng 08 năm 2026, từ trang 7 đến trang 49, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy Động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 và ngày 30 tháng 06 năm 2026, Nhà máy Ô tô VEAM (đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty) đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với một số mặt hàng là linh kiện chậm luân chuyển và có dấu hiệu suy giảm giá trị. Giá gốc của các mặt hàng này lần lượt là 164,9 tỷ đồng và 156,3 tỷ đồng; giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập tương ứng là 76,7 tỷ đồng tại cả hai thời điểm nêu trên (chi tiết tại thuyết minh số V.8). Việc xác định giá trị dự phòng được thực hiện trên cơ sở tham khảo giá trị ước tính của Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá ngày 17 tháng 01 năm 2024. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không cung cấp đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tồn đọng lâu ngày nêu trên tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2026. Do đó, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với khoản mục dự phòng giảm giá hàng tồn kho và các khoản mục liên quan trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty hay không.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

Tổng Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng tổn thất đầu tư tài chính cho một số khoản đầu tư tại các công ty con (chi tiết tại Thuyết minh số V.2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính của Tổng Công ty. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được liệu có phải điều chỉnh dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đã trích lập và các khoản mục liên quan trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty hay không.

Tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2026 và 30 tháng 06 năm 2026, Tổng Công ty đã và đang ghi nhận trên chỉ tiêu "Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang" liên quan đến chi phí mua bản quyền công nghệ của Dự án nghiên cứu, chế tạo máy kéo 4 bánh hạng trung với cùng giá trị 53,5 tỷ đồng (chi tiết tại thuyết minh số V.10), trong khi đó giá trị chi phí này đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết luận các cá nhân liên quan có trách nhiệm bồi hoàn toàn bộ cho Tổng Công ty. Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa thực hiện điều chỉnh và ghi nhận khoản phải thu các cá nhân liên quan và chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi cũng như trích lập dự phòng (nếu có) theo quy định. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được liệu có cần điều chỉnh khoản mục "Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang" và các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty hay không.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo đến Thuyết minh số V.5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại đó Tổng Công ty trình bày thông tin liên quan đến việc ghi nhận khoản lãi hỗ trợ vốn của Tổng Công ty.

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo đến Thuyết minh số VII.4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa, do Tổng Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức thành công ty cổ phần.
- Tổng Công ty chưa ghi nhận công nợ phải thu các cá nhân liên quan phải thi hành án và khoản lãi chậm trả tương ứng theo Bản án hình sự phúc thẩm số 855/2023/HS-PT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Bản án hình sự sơ thẩm số 234/2023/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2025/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội do chưa chắc chắn về khả năng thu hồi.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo soát xét đề ngày 26 tháng 08 năm 2025. Công ty kiểm toán này cũng thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đề ngày 26 tháng 03 năm 2026. Các báo cáo phát hành với kết luận ngoại trừ và ý kiến kiểm toán ngoại trừ, các vấn đề ngoại trừ này tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 và đã được nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ" của báo cáo soát xét này.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Vấn đề khác (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được phát hành đồng thời cùng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty. Theo đó, người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc cùng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kết toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 để thu thập các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ của Tổng Công ty.



Nguyễn Thị Thanh Hoa
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2023-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.452.927.532.805	16.967.785.410.799
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	58.693.651.811	164.458.941.936
1. Tiền	111		33.593.651.811	53.226.815.909
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.100.000.000	111.232.126.027
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.515.811.327.738	13.048.006.952.697
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	16.515.811.327.738	13.048.006.952.697
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.283.085.557.992	3.163.989.551.461
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	345.386.063.475	333.098.961.525
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	181.579.556.129	180.509.962.794
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	6.866.226.472.069	3.762.091.882.360
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.7	(1.118.883.370.646)	(1.120.553.839.107)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	137	V.6	8.776.836.965	8.842.583.889
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	511.153.532.041	509.602.220.365
1. Hàng tồn kho	141		796.854.971.622	904.010.120.658
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(285.701.439.581)	(394.407.900.293)
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		84.183.463.223	81.727.744.340
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.12a	2.384.675.511	1.114.233.827
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		81.267.790.296	80.293.573.661
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.17a	530.997.416	319.936.852
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.577.368.345.478	3.591.521.684.868
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		28.000.000	28.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	28.000.000	28.000.000
II. Tài sản cố định	220		335.836.605.532	354.901.052.091
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	286.341.401.296	305.118.813.927
- Nguyên giá	222		1.421.360.163.207	1.420.082.786.437
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.135.018.761.911)	(1.114.963.972.510)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	49.495.204.236	49.782.238.164
- Nguyên giá	228		54.535.286.266	54.535.286.266
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.040.082.030)	(4.753.048.102)
III. Tài sản dở dang dài hạn	250		54.178.741.390	54.064.037.687
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	54.178.741.390	54.064.037.687
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	260		3.162.106.783.716	3.153.375.317.612
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2b	2.656.119.550.877	2.656.119.550.877
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2c	707.098.071.180	707.098.071.180
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2d	11.001.060.828	11.001.060.828
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(212.111.899.169)	(220.843.365.273)
V. Tài sản dài hạn khác	270		25.218.214.840	29.153.277.478
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.12b	25.218.214.840	29.153.277.478
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		27.030.295.878.283	20.559.307.095.667

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.192.586.798.980	265.612.178.356
I. Nợ ngắn hạn	310		7.192.586.798.980	265.612.178.356
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	37.120.594.503	23.049.424.638
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2.798.225.880	3.097.369.706
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		6.968.968.522.032	6.369.682.402
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.17b	36.436.713.887	38.020.878.729
5. Phải trả người lao động	315		12.034.337.643	49.311.554.165
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.15	12.291.107.354	12.166.973.691
7. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		163.636.364	125.880.784
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.16	48.864.242.337	50.180.603.740
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		476.690.520	703.837.538
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		73.432.728.460	82.585.972.963
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	19.837.709.079.303	20.293.694.917.311
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		(37.955.057)	(37.955.057)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.549.747.034.360	7.005.732.872.368
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		2.578.401.558	7.460.969
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		6.547.168.632.802	7.005.725.411.399
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		27.030.295.878.283	20.559.307.095.667



Bùi Tuấn Anh
Người lập biểu



Nguyễn Minh Thắng
Phụ trách kế toán



M.S.D.N. 6160103863 - CTCP

TỔNG CÔNG TY

MÁY ĐỘNG LỰC VÀ

MÁY NÔNG NGHIỆP

VIỆT NAM

CTCP

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Hoàng Giang
Tổng Giám đốc
Phê duyệt
Ngày 22 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	385.605.257.328	188.983.196.299
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	42.526.382	38.400.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		385.562.730.946	188.944.796.299
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	355.908.620.034	201.193.911.273
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		29.654.110.912	(12.249.114.974)
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	6.688.334.900.716	6.319.598.687.260
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	(7.933.756.629)	(4.644.822.953)
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.612.047.694	9.948.853.978
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	73.441.753.679	69.978.545.207
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh doanh {30 = 20 +21 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		6.640.868.966.884	6.232.066.996.054
12. Thu nhập khác	31	VI.7	2.914.496.503	614.468.348
13. Chi phí khác	32	VI.8	5.295.217.598	917.859.281
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.380.721.095)	(303.390.933)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.638.488.245.789	6.231.763.605.121
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	91.319.612.987	68.431.570.228
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.547.168.632.802	6.163.332.034.893



Bùi Tuấn Anh
Người lập biểu



Nguyễn Minh Thắng
Phụ trách kế toán




Nguyễn Hoàng Giang
Tổng Giám đốc
Phê duyệt
Ngày 22 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	6.638.488.245.789	6.231.763.605.121
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	21.348.623.329	22.295.020.224
Các khoản dự phòng	03	(119.335.542.295)	21.341.780.647
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	15.358.519	13.253.773
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(6.687.910.709.054)	(6.318.806.823.963)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(147.394.023.712)	(43.393.164.198)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(13.607.430.032)	(12.969.959.274)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	107.155.149.036	(7.614.928.510)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(29.451.545.453)	(13.583.040.650)
(Tăng)/Giảm chi phí chờ phân bổ	12	2.664.620.954	3.727.200.083
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(88.128.922.549)	(62.774.573.849)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(49.395.715.313)	(43.942.212.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(218.157.867.069)	(180.550.679.328)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.398.880.473)	(1.108.660.536)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.155.698.606.028)	(14.464.713.933.871)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.717.893.580.822	11.566.289.274.556
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.552.907.973.982	3.083.570.884.941
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	112.704.068.303	184.037.565.090
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(313.160.370)	(331.382.848)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(313.160.370)	(331.382.848)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(105.766.959.136)	3.155.502.914
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	164.458.941.936	146.236.801.147
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.669.011	27.588.890
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	58.693.651.811	149.419.892.951



Bùi Tuấn Anh
 Người lập biểu



Nguyễn Minh Thắng
 Phụ trách kế toán





Nguyễn Hoàng Giang
 Tổng Giám đốc
 Phê duyệt
 Ngày 22 tháng 08 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103866, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính) cấp và đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 01 tháng 7 năm 2024. Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên thuộc Bộ Công Thương trước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 4874/QĐ-BCT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP; Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP; và Quyết định số 5029/QĐ-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Vốn điều lệ của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP là 13.288.000.000.000 VND, được chia thành 1.328.800.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND. Từ ngày 02 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP được chấp thuận giao dịch trên thị trường Công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") với mã chứng khoán là VEA.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại Lô D, Khu D1, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh xe có động cơ, máy động lực và máy nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Sản xuất xe có động cơ, mô tô, xe máy; Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác;
- Buôn bán máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp, ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe động cơ khác; Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy, bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Sản xuất lò nướng, lò luyện, lò nung, các thiết bị hạ, bốc xếp;
- Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén, máy thông dụng khác;
- Sản xuất máy công cụ, máy tạo hình kim loại và máy luyện kim;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc sắt, đúc thép, đúc kim loại màu;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng chứa, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm); Rèn, dập, ép và cán kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo))

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác); Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, thiết bị điện, thiết bị điện tử và quang học;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn và hoạt động khoa học khác chưa được phân vào đầu;
- Xây dựng nhà các loại, lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí và hệ thống xây dựng khác; Khai thác quặng sắt, kim loại khác không chứa sắt, quặng kim loại quý hiếm;
- Buôn bán kim loại, quặng kim loại; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường...);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn vải; hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh xe có động cơ, máy động lực và máy nông nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ		Hoạt động kinh doanh chính
1.	Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	TP. Hồ Chí Minh	Chi	Kinh doanh thương mại
2.	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP - Chi nhánh Nghệ An	Nghệ An		Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
3.	Chi nhánh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP - Nhà máy Ô tô VEAM	Thanh Hóa		Sản xuất, kinh doanh xe ô tô, máy kéo và các linh kiện thay thế
4.	Chi nhánh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP - Nhà máy Đức	TP. Hồ Chí Minh	Chi	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm kim loại đúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**5. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Thông tin về các Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1.	Công ty Cổ phần Cơ khí chính xác số 1	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất kinh doanh sản phẩm cơ khí, bơm thủy lực, bơm nước, dụng cụ khuôn mẫu giá lắp
2.	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Thái Nguyên	51,00%	51,00%	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho các động cơ
3.	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Hà Nội	53,66%	53,66%	Vận tải hàng hóa đường bộ, sản xuất các sản phẩm cơ khí
4.	Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	Hà Nội	51,00%	51,00%	Vận chuyển khách, vận tải hàng hóa đường
5.	Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (*)	Hà Nội	51,00%	51,99%	Bán buôn máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khác
6.	Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	Thái Nguyên	55,00%	55,00%	Sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng cho xe có động cơ
7.	Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất máy kéo, máy nông nghiệp
8.	Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Hà Nội, Bắc Ninh	100,00%	100,00%	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
9.	Công ty TNHH MTV Diesel Sóng Công	Thái Nguyên	100,00%	100,00%	Sản xuất phụ tùng phục vụ các ngành nông nghiệp, ngư nghiệp và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ
10.	Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Đồng Nai	100,00%	100,00%	Sản xuất động cơ và máy nông nghiệp
11.	Viện Công nghệ	Hà Nội	100,00%	100,00%	Nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ các lĩnh vực vật liệu, đúc, nhiệt luyện, cơ khí, tự động hóa
12.	Veam Korea Corporation	Hàn Quốc	89,00%	89,00%	Xuất khẩu các sản phẩm của Hàn Quốc sang thị trường Việt Nam
13.	Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh (**)	Nghệ An	49,00%	59,93%	Sản xuất các cấu kiện kim loại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**5. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Thông tin về các Công ty liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 như sau:

ST T	Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1.	Công ty Cổ phần NAKYCO	TP.Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Sản xuất, mua bán các loại máy móc, thiết bị, phụ tùng
2.	Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	An Giang	47,41%	47,41%	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu
3.	Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ	Hà Nội	29,01%	29,01%	Xây dựng nhà ở và văn phòng làm việc; cung cấp dịch vụ công cộng cho khu đô thị, khu nhà ở và văn phòng
4.	Công ty Honda Việt Nam	Phù Thọ	30,00%	30,00%	Sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu xe máy, ô tô để bán và xuất khẩu
5.	Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	Phù Thọ	20,00%	20,00%	Lắp đặt và sản xuất các loại ô tô và phụ tùng ô tô và cung cấp dịch vụ bảo hành, sửa chữa ô tô tại Việt Nam
6.	Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng (***)	Hải Phòng	19,46%	21,23%	Vận tải hành khách, bán buôn kim loại và quặng kim loại

(*) Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ là Công ty con của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 51,00% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết) là 0,99%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ là 51,99%.

(**) Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là Công ty con của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 49,00% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 55% quyền biểu quyết) là 10,93%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là 59,93%.

(***) Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là Công ty liên kết của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 19,46% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (Công ty con của Tổng Công ty mà Tổng Công ty nắm giữ 51,99% quyền biểu quyết) là 1,77%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là 21,23%.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được soát xét.

7. Nhân viên

Số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 639 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 646 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc được loại trừ toàn bộ khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 99 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền, ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị và không bị hạn chế sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm mệnh giá trừ (-) số tiền lãi nhận trước cho nhiều kỳ cộng (+) số phụ trội hoặc trừ (-) chiết khấu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi nếu có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty có khả năng không thu hồi được.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc, bao gồm giá mua và chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc đầu tư chi phí tư vấn pháp lý, thẩm định giá, chi phí thông tin, môi giới, giao dịch trong quá trình thực hiện đầu tư. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lỹ kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận được chia liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư theo nguyên tắc ưu tiên phân phối lợi nhuận còn lại của năm hiện tại trước khi phân phối lợi nhuận của các năm trước đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư và các khoản đầu tư vào hợp đồng hợp tác kinh doanh mà Tổng Công ty không có quyền đồng kiểm soát nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế của hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư tính từ thời điểm ngày 23/01/2017 (thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến thời điểm lập báo cáo tài chính, với mức trích lập bằng số lỗ của bên nhận đầu tư phát sinh trong giai đoạn này nhân với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản hỗ trợ vốn

Các khoản hỗ trợ vốn là các khoản hỗ trợ cho các công ty con và công ty liên doanh, liên kết theo các hợp đồng có lãi suất từ 0%/năm đến 5%/năm, được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản hỗ trợ vốn và phải thu lãi hỗ trợ vốn quá hạn của Tổng Công ty được trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) hoặc căn cứ vào mức tổn thất có thể xảy ra theo đánh giá của Tổng Công ty. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Khi các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty xác định giá trị hàng xuất kho theo từng lần phát sinh hạch toán hàng tồn kho.

Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán các sản phẩm đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định đến vị trí và trạng thái có khả năng hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Kỳ này (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 14

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, trong đó:

<u>Địa điểm</u>	<u>Thời gian sử dụng</u>
Quyền sử dụng đất tại lô D, Khu D1, Tây Hồ, Thành phố Hà Nội	50 năm
Quyền sử dụng đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Quyền sử dụng đất tại Khách sạn VEAM Cửa Lò	Lâu dài

Các tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác bao gồm phần mềm máy tính và bản quyền Website của Tổng Công ty được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành, bao gồm:

Giá trị thương hiệu

Giá trị thương hiệu được ghi nhận trên biên bản xác định doanh nghiệp của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 10 năm kể từ thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Tiền thuê đất và tiền thuê văn phòng

Tiền thuê đất và tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí đề tài nghiên cứu khoa học

Chi phí đề tài nghiên cứu khoa học là chi phí cho hoạt động nghiên cứu được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm kể từ ngày nghiệm thu chi phí đề tài đó.

Các khoản chi phí chờ phân bổ khác

Các khoản chi phí chờ phân bổ khác bao gồm giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí bảo trì tòa nhà và các chi phí nhỏ khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chờ phân bổ và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản chi phí chờ phân bổ của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Phải trả người bán**

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Phải trả cổ tức

Phải trả cổ tức phản ánh số cổ tức phải trả cho các cổ đông. Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận khi Tổng Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Tổng Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ, có khả năng Tổng Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó và giá trị của nghĩa vụ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê văn phòng.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

Vốn chủ sở hữu**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập khác là các khoản thu nhập từ các hoạt động không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu từ các hoạt động chính.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo nhưng đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Tổng Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ/năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí trong kỳ/năm theo cơ sở dồn tích.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ/năm theo cơ sở dồn tích.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này, ngoại trừ số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản tiền gửi. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi Công ty có khả năng chắc chắn thu được lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	302.102.640	255.973.471
Tiền gửi không kỳ hạn	33.291.549.171	52.970.842.438
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	11.950.819.344	17.530.801.528
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	11.015.491.910	19.457.106.345
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.572.829.016	2.678.398.618
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	3.336.348.776	12.322.435.482
- Các ngân hàng khác	1.416.060.125	982.100.465
Các khoản tương đương tiền (*)	25.100.000.000	111.232.126.027
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	19.000.000.000	49.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	6.100.000.000	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	-	14.153.578.082
- Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Bim Sơn	-	10.078.547.945
- Các ngân hàng khác	-	18.000.000.000
Cộng	58.693.651.811	164.458.941.936

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và hưởng lãi suất là 4,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (i)						
Tiền gửi có kỳ hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.070.262.132.034	7.070.262.132.034	-	1.151.693.076.712	1.151.693.076.712	-
- Số tiền gửi	6.837.366.493.151	6.837.366.493.151		1.129.000.000.000	1.129.000.000.000	
- Lãi dự thu	232.895.638.883	232.895.638.883		22.693.076.712	22.693.076.712	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.282.952.728.767	3.282.952.728.767	-	2.542.665.479.452	2.542.665.479.452	-
- Số tiền gửi	3.153.000.000.000	3.153.000.000.000		2.478.000.000.000	2.478.000.000.000	
- Lãi dự thu	129.952.728.767	129.952.728.767		64.665.479.452	64.665.479.452	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.229.645.931.985	3.229.645.931.985	-	8.200.203.775.273	8.200.203.775.273	-
- Số tiền gửi	3.142.200.000.000	3.142.200.000.000		7.828.000.000.000	7.828.000.000.000	
- Lãi dự thu	87.445.931.985	87.445.931.985		372.203.775.273	372.203.775.273	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	2.747.303.345.204	2.747.303.345.204	-	980.612.320.549	980.612.320.549	-
- Số tiền gửi	2.681.500.000.000	2.681.500.000.000		955.000.000.000	955.000.000.000	
- Lãi dự thu	65.803.345.204	65.803.345.204		25.612.320.549	25.612.320.549	
Các Ngân hàng khác	185.647.189.748	185.647.189.748	-	172.832.300.711	172.832.300.711	-
- Số tiền gửi	182.718.532.055	182.718.532.055		168.980.000.000	168.980.000.000	
- Lãi dự thu	2.928.657.693	2.928.657.693		3.852.300.711	3.852.300.711	
Cộng	16.515.811.327.738	16.515.811.327.738	-	13.048.006.952.697	13.048.006.952.697	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b. Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác số 1	50.015.670.456	(*)	-	50.015.670.456	(*)	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	22.810.192.474	6.981.900.000	-	22.810.192.474	6.981.900.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	295.794.759	(*)	-	295.794.759	(*)	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	-	(*)	-	-	(*)	-
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (ii)	127.576.996.194	(*)	-	127.576.996.194	(*)	-
Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	60.825.843.242	167.049.125.100	-	60.825.843.242	159.650.679.000	-
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	95.960.790.920	(*)	(95.960.790.920)	95.960.790.920	(*)	(95.960.790.920)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo (iii)	284.301.038.861	(*)	(92.028.919.212)	284.301.038.861	(*)	(93.667.789.763)
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	1.489.915.335.079	(*)	-	1.489.915.335.079	(*)	-
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	347.000.000.000	(*)	-	347.000.000.000	(*)	(6.157.989.449)
Viện Công nghệ (iv)	160.145.083.264	(*)	(12.811.681.598)	160.145.083.264	(*)	(13.746.287.702)
Veam Korea Corporation (v)	16.512.996.840	(*)	-	16.512.996.840	(*)	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh	759.808.788	(*)	(759.808.788)	759.808.788	(*)	(759.808.788)
Cộng	2.656.119.550.877		(201.561.200.518)	2.656.119.550.877		(210.292.666.622)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
c. Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Nakycos	10.550.698.651	(*)	(10.550.698.651)	10.550.698.651	(*)	(10.550.698.651)
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	23.823.075.776	101.742.101.600	-	23.823.075.776	71.515.504.800	-
Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ (vi)	9.467.051.066	(*)	-	9.467.051.066	(*)	-
Công ty Honda Việt Nam	359.311.428.087	(*)	-	359.311.428.087	(*)	-
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	287.776.054.812	(*)	-	287.776.054.812	(*)	-
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	16.169.762.788	(*)	-	16.169.762.788	(*)	-
Cộng	707.098.071.180		(10.550.698.651)	707.098.071.180		(10.550.698.651)
d. Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Kumba (vii)	11.001.060.828	(*)	-	11.001.060.828	(*)	-
Công ty TNHH Mekong Auto	-	(*)	-	-	(*)	-
Cộng	11.001.060.828		-	11.001.060.828		-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- (i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất từ 4,47%/năm đến 8,3%/năm.
- (ii) Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty con - Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ ("Matexim") do Công ty con không điều chỉnh báo cáo tài chính theo các ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán số 1002/2026/BCKT/BCTC/AICAHANOI ngày 10 tháng 02 năm 2026 về báo cáo tài chính năm 2025 của Matexim, các nội dung ngoại trừ bao gồm các khoản chi phí lãi vay, khấu hao, tiền thuê đất của Nhà máy sắt xếp ngừng hoạt động từ năm 2015 và Chi nhánh Bắc Kạn đang được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với giá trị lũy kế đến ngày 01 tháng 01 năm 2026 và 30 tháng 06 năm 2026 khoảng 522,28 tỷ đồng.
- (iii) Tổng Công ty chưa trích lập bổ sung dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty con - Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo ("VEAMTHD") theo các ý kiến ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán số 030/VACO/BCKT.NV2 ngày 28 tháng 02 năm 2026 về Báo cáo tài chính năm 2025 của VEAMTHD, các nội dung ngoại trừ bao gồm các khoản công nợ phải thu quá hạn chưa được trích lập dự phòng phải thu khó đòi với giá trị khoảng 41,4 tỷ đồng, hàng tồn kho tồn đọng với giá trị 8,5 tỷ đồng (chủ yếu là các hàng tồn kho phát sinh từ trước thời điểm Công ty mẹ thực hiện Cổ phần hóa), chưa được xác định giá trị thuần có thể thực hiện được để xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- (iv) Tổng Công ty chưa trích lập bổ sung dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty con - Viện Công nghệ theo các ý kiến ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán số 089/VACO/BCKT.NV2 ngày 28 tháng 02 năm 2026 về Báo cáo tài chính năm 2025 của Viện Công nghệ, các nội dung ngoại trừ bao gồm các khoản công nợ phải thu quá hạn chưa được trích lập dự phòng phải thu khó đòi với giá trị khoảng 3,2 tỷ đồng, hàng tồn kho tồn đọng với giá trị 0,98 tỷ đồng, chưa được xác định giá trị thuần có thể thực hiện được để xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho; khoản chi phí tiền lương trả thừa chưa ghi nhận số tiền khoảng 1,4 tỷ đồng.
- (v) Theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 2 và khoản 4, Điều 3 Thông tư số 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 08 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn trích lập các khoản dự phòng, các doanh nghiệp không trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản đầu tư ra nước ngoài; do đó, Tổng Công ty không trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty con - Veam Korea Corporation.
- (vi) Tổng Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ bằng quyền sử dụng đất tại Lô D, khu D1, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103022083. Tuy nhiên, Tổng Công ty đã thực hiện mua lại 5 tầng văn phòng và đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuyển giao quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ.
- (vii) Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Kumba cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.
- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào các công ty khác tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào đơn vị khác của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	69.260.344.132	(69.260.344.132)	69.295.040.391	(69.295.040.391)
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	63.363.229.532	(63.363.229.532)	63.363.229.532	(63.363.229.532)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	22.356.087.086	(22.356.087.086)	22.386.087.086	(22.386.087.086)
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (Chi nhánh tại Đà Nẵng)	13.205.936.501	(13.205.936.501)	13.205.936.501	(13.205.936.501)
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh	93.233.179.437	(93.233.179.437)	93.233.179.437	(93.233.179.437)
Các khoản phải thu khách hàng khác	83.967.286.787	(26.235.083.486)	71.615.488.578	(26.331.863.486)
Cộng	345.386.063.475	(287.653.860.174)	333.098.961.525	(287.815.336.433)
Phải thu khách hàng các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh VII.1)</i>	279.924.304.071	(275.178.315.911)	282.014.295.295	(275.327.792.170)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto (i)	169.609.728.269	(169.609.728.269)	169.609.728.269	(169.609.728.269)
Chi nhánh Công ty Matexim Hải Phòng tại Quảng Ninh	6.500.000.000	(6.500.000.000)	6.500.000.000	(6.500.000.000)
Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture (ii)	1.400.000.000	(1.400.000.000)	1.400.000.000	(1.400.000.000)
Các đối tượng khác	4.069.827.860	(70.000.000)	3.000.234.525	(70.000.000)
Cộng	181.579.556.129	(177.579.728.269)	180.509.962.794	(177.579.728.269)
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh VII.1)</i>	176.179.728.269	(176.179.728.269)	176.179.728.269	(176.179.728.269)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

- (i) Bao gồm khoản ứng trước cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto theo hợp đồng số 16/2014/VEAM-Mekong Auto ký ngày 22/10/2014 số tiền 134.589.036.240 đồng và khoản ứng trước xe mẫu số tiền 436.812.990 đồng. Theo hợp đồng, Tổng Công ty sẽ thanh toán trước toàn bộ giá trị linh kiện nhập khẩu cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto theo các chứng từ nhập khẩu để Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto lắp ráp và bán cho Tổng Công ty 1.500 sản phẩm xe tải nhẹ nhãn hiệu Changan Model SC1022DB4N4. Tổng Công ty đã thanh toán toàn bộ giá trị linh kiện nhập khẩu cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto và nhận được 239 xe lắp đặt hoàn chỉnh; khoản công nợ còn lại tương ứng với số linh kiện Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto đã nhập khẩu nhưng chưa bàn giao xe cho Tổng Công ty. Ngày 29 tháng 3 năm 2023, Tổng Công ty đã nộp Đơn khởi kiện Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto và các đối tượng khác có liên quan và Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2023 đến Tòa án nhân dân huyện Đông Anh - thành phố Hà Nội. Công ty cũng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

Theo đơn khởi kiện, Tổng Công ty yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền tuyên Hợp đồng 16, Đơn hàng 15 vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu với kiến nghị MAC phải hoàn trả Tổng Công ty khoản tiền tạm ứng của Đơn hàng 15 là 160.097.982.240 đồng, chấp nhận việc Tổng Công ty hoàn trả cho MAC số tiền 32.963.700.000 đồng tương ứng 239 xe thành phẩm Tổng Công ty đã nhận bàn giao, như vậy sau khi khấu trừ, MAC còn phải hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền 127.134.282.240 đồng. Đồng thời Tổng Công ty đã đề nghị Tòa án thẩm định tại chỗ, định giá tài sản 1261 bộ linh kiện xe Changan.

Liên quan đến Hợp đồng 16 và Đơn hàng 15, Tổng Công ty cũng đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh 8 tháng 3 Hà Nội ("Sacombank"), yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền tuyên Hợp đồng cầm cố số 0118102017/HDCC (VEAM cầm cố giấy tờ có giá với tổng giá trị là 150.000.000.000 đồng, bao gồm: Hợp đồng tiền gửi số 020035491791/HĐTG-SACOMBANK-VEAM; và Hợp đồng tiền gửi số 020043150007/HĐTG-SACOMBANK-VEAM để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto đối với Hợp đồng mua bán số 2017CA0220HB mà Chi nhánh này ký với đối tác Changan International Corporation để mua 1.500 bộ linh kiện để lắp ráp xe ô tô cho Đơn hàng 15 nêu trên với thỏa thuận thanh toán bằng thư tín dụng không hủy ngang) và Hợp đồng Quản lý tài khoản chuyển dụng vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, phiên xét xử đầu tiên ngày 22 tháng 7 năm 2025.

- (ii) Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho VEAM 9.000.000.000 đồng. Năm 2023, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội chuyển cho Tổng Công ty số tiền các cá nhân có liên quan đã bồi thường là 7.300.000.000 đồng. Trong năm 2025, khoản trả trước Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture được ghi giảm giá trị tương ứng với số tiền các cá nhân có liên quan đã bồi thường là 300.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
a. Ngắn hạn				
Tạm ứng	835.860.500	-	925.035.485	(560.000.000)
Ký quỹ, ký cược	117.800.000	-	117.800.000	-
Phải thu về cổ phần hóa (i)	10.164.296.365	-	10.164.296.365	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.208.213.843.207	(24.335.759.500)	3.102.986.069.836	(24.335.759.500)
- Công ty Honda Việt Nam	6.183.878.083.707	-	2.965.882.062.210	-
- Các đối tượng khác	24.335.759.500	(24.335.759.500)	137.104.007.626	(24.335.759.500)
Phải thu về tiền hỗ trợ vốn (*)	507.529.028.773	(507.529.028.773)	508.976.028.773	(508.976.028.773)
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM (ii)	120.776.919.286	(120.776.919.286)	121.126.919.286	(121.126.919.286)
- Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	273.347.837.417	(273.347.837.417)	273.347.837.417	(273.347.837.417)
- Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	81.500.000.000	(81.500.000.000)	82.000.000.000	(82.000.000.000)
- Các đối tượng khác	31.904.272.070	(31.904.272.070)	32.501.272.070	(32.501.272.070)
Phải thu về tiền lãi hỗ trợ vốn (*)	85.590.974.219	(84.738.412.265)	85.395.255.405	(84.530.404.467)
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM (ii)	34.234.914.328	(34.234.914.328)	34.234.914.328	(34.234.914.328)
- Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	30.929.912.783	(30.929.912.783)	30.929.912.783	(30.929.912.783)
- Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	6.927.195.494	(6.927.195.494)	6.927.195.494	(6.927.195.494)
- Các đối tượng khác	13.498.951.614	(12.646.389.660)	13.303.232.800	(12.438.381.862)
Thuế nhà thầu của hợp đồng VEAM-ZIBO (cabin) (iii)	957.390.582	-	957.390.582	-
Phải thu khác	52.817.278.423	(37.046.581.665)	52.570.005.914	(36.756.581.665)
- Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy Nông nghiệp Miền Nam (iv)	13.733.472.732	-	13.733.472.732	-
- Các đối tượng khác	39.083.805.691	(37.046.581.665)	38.836.533.182	(36.756.581.665)
Cộng	6.866.226.472.069	(653.649.782.203)	3.762.091.882.360	(655.158.774.405)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b. Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược	28.000.000	-	28.000.000	-
Cộng	28.000.000	-	28.000.000	-
Phải thu khác ngắn hạn là các bên liên quan	6.835.982.951.265	(637.436.032.872)	3.732.336.459.080	(639.005.025.074)
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh VII.1)</i>				

- (i) Các khoản phải thu về cổ phần hóa phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.
- (ii) Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM (viết tắt là "VETRANCO") tổng số tiền 182.902.675.710 đồng. Đồng thời, VETRANCO có trách nhiệm hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền 137.851.530.220 đồng. Các cá nhân có liên quan đang thực hiện bồi thường và VETRANCO đang tiếp tục trả nợ Tổng Công ty.
- (iii) Khoản phải thu tiền thuê nhà thầu đã nộp 957.390.582 đồng, theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tổng Công ty không phải nộp số tiền thuê này, do đó Tổng Công ty sẽ được Cục thi hành án hoàn trả sau khi thu hồi lại từ cơ quan thuế.
- (iv) Khoản phải thu về vốn đã cấp tại Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy Nông nghiệp Miền Nam theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐQT ngày 19/9/2018 và Quyết định số 42/QĐ-HĐQT của HĐQT về điều chỉnh vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy Nông nghiệp Miền Nam.
- (*) Trong những năm trước năm 2014, Tổng Công ty đã ký kết các hợp đồng hỗ trợ vốn với các công ty con và công ty liên doanh liên kết, lãi hỗ trợ vốn đã được ghi nhận đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (bao gồm khoản lãi hỗ trợ vốn ghi nhận bổ sung trong năm 2024 với số tiền 9.216.513.359 đồng theo Kết luận thanh tra số 1538/KL-TTCTP ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Thanh tra Chính phủ). Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty mẹ đã dừng ghi nhận lãi hỗ trợ vốn từ các công ty này. Lãi hỗ trợ vốn phát sinh 6 tháng đầu năm 2026 theo các điều khoản của hợp đồng vẫn được Tổng Công ty theo dõi chi tiết theo quy định. Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản lãi hỗ trợ vốn vào doanh thu tài chính do theo hướng dẫn tại điểm d khoản 1 và điểm b khoản 3 điều 80 Thông tư 200/2014/TT-BTC cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 31/12/2025 và theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3, Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính Thông tư số 99/2025/TT-BTC cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 thì khoản lãi hỗ trợ vốn này chưa đủ điều kiện để ghi nhận doanh thu tài chính. Tổng Công ty đã ghi nhận khoản lãi dự thu hỗ trợ vốn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh và Công ty Cổ phần Nakycos với số tiền lần lượt là 199.554.766 đồng và 35.434.048 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
Hàng tồn kho (i)	8.179.555.016	8.245.301.940
Tài sản cố định (i)	597.281.949	597.281.949
Cộng	8.776.836.965	8.842.583.889

(i) Tài sản thiếu chờ xử lý phát hiện trong quá trình kiểm kê:

- Biên bản kiểm kê ngày 23 tháng 01 năm 2017 (ngày Tổng Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần) và Biên bản kiểm kê tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020. Hàng tồn kho và tài sản cố định tại Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty kiểm kê phát hiện thiếu với giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 3.882.945.708 đồng và 597.281.949 đồng.
- Hàng tồn kho phát hiện thiếu trong quá trình kiểm kê theo Biên bản kiểm kê ngày 31 tháng 12 năm 2019, ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả kiểm kê số 38/BC-VM ngày 07 tháng 02 năm 2020, Báo cáo kết quả kiểm kê số 150A/BC-HĐKK ngày 02 tháng 3 năm 2021 và Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng kiểm kê, Biên bản họp về Công tác kiểm kê năm 2021 số 01/BB-VM ngày 10 tháng 01 năm 2022; Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Nhà máy ô tô Veam; Báo cáo kết quả kiểm kê năm 2023 số 07A/BC-HĐKK ngày 23 tháng 01 năm 2024, Biên bản họp về công tác kiểm kê năm 2023 số 02A/BB-VM ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại Nhà máy ô tô Veam với giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 4.296.609.308 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	287.653.860.174	-	(287.653.860.174)	287.815.336.433	-	(287.815.336.433)
Công ty CP Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh	93.233.179.437	-	(93.233.179.437)	93.233.179.437	-	(93.233.179.437)
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	69.260.344.132	-	(69.260.344.132)	69.295.040.391	-	(69.295.040.391)
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	63.363.229.532	-	(63.363.229.532)	63.363.229.532	-	(63.363.229.532)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	22.356.087.086	-	(22.356.087.086)	22.386.087.086	-	(22.386.087.086)
Các đối tượng khác	39.441.019.987	-	(39.441.019.987)	39.537.799.987	-	(39.537.799.987)
b. Trả trước cho người bán ngắn hạn	177.579.728.269	-	(177.579.728.269)	177.579.728.269	-	(177.579.728.269)
Công ty TNHH Mekong AUTO	169.609.728.269	-	(169.609.728.269)	169.609.728.269	-	(169.609.728.269)
Công ty CP Matexim Hải Phòng - Chi nhánh Quảng Ninh	6.500.000.000	-	(6.500.000.000)	6.500.000.000	-	(6.500.000.000)
Các đối tượng khác	1.470.000.000	-	(1.470.000.000)	1.470.000.000	-	(1.470.000.000)
c. Phải thu khác	654.682.344.157	1.032.561.954	(653.649.782.203)	656.263.625.343	1.104.850.938	(655.158.774.405)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	8.238.468.804	-	(8.238.468.804)	8.268.468.804	-	(8.268.468.804)
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	11.579.879.104	-	(11.579.879.104)	11.879.879.104	-	(11.879.879.104)
Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ	22.266.600.000	-	(22.266.600.000)	22.266.600.000	-	(22.266.600.000)
Các khoản hỗ trợ vốn và lãi hỗ trợ vốn	593.120.002.992	852.561.954	(592.267.441.038)	594.371.284.178	864.850.938	(593.506.433.240)
Các đối tượng khác	19.477.393.257	180.000.000	(19.297.393.257)	19.477.393.257	240.000.000	(19.237.393.257)
Cộng	1.119.915.932.600	1.032.561.954	(1.118.883.370.646)	1.121.658.690.045	1.104.850.938	(1.120.553.839.107)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	12.111.080.196	-	9.545.257.684	-
Nguyên liệu, vật liệu	154.237.879.694	(30.708.708.348)	102.246.746.860	(30.708.708.348)
Công cụ, dụng cụ	11.251.842.516	(3.674.619.297)	11.233.951.315	(3.674.619.297)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	47.981.913.336	-	25.348.191.369	-
Sản phẩm	399.430.249.402	(206.600.126.402)	585.663.953.306	(305.102.258.999)
Hàng hóa	139.507.918.458	(42.144.605.626)	159.528.249.623	(51.111.182.316)
Hàng gửi bán	32.334.088.020	(2.573.379.908)	10.443.770.501	(3.811.131.333)
Cộng	796.854.971.622	(285.701.439.581)	904.010.120.658	(394.407.900.293)

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 bao gồm:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập trên cơ sở giá trị ước tính tài sản tại Chứng thư thẩm định giá số 093/2025/1325/CT-VALUINCO/BAN2 ngày 12 tháng 01 năm 2026 và Báo cáo kết quả thẩm định số 093/2025/1325/BC-VALUINCO/BAN2 do Công ty Cổ phần Định giá và Tư vấn Đầu tư Quốc tế phát hành tại Văn phòng Công ty mẹ là 7.883.175.070 đồng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với mặt hàng là linh kiện tại Chi nhánh Nhà máy Ô tô VEAM trích lập trên cơ sở tham khảo giá bán ước tính tại Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá ngày 17 tháng 01 năm 2024 là 76.724.442.759 đồng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với mặt hàng là xe ô tô tại Chi nhánh Nhà máy Ô tô VEAM được trích lập trên cơ sở giá bán ước tính tại hồ sơ phê duyệt giá đấu thầu lần 10 ngày 04 tháng 11 năm 2025 là 200.359.765.612 đồng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Chi nhánh Nhà máy Đức căn cứ cơ sở đơn giá bán phế liệu là 734.056.140 đồng.

Trong kỳ, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 108.706.460.712 đồng do tiêu thụ được một số mặt hàng chậm luân chuyển đã được trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho của các năm trước (chủ yếu tại Chi nhánh Nhà máy ô tô VEAM).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	600.482.044.894	748.113.641.947	35.671.461.221	7.055.724.005	28.759.914.370	1.420.082.786.437
- Mua trong kỳ	-	562.671.213	-	138.092.594	-	700.763.807
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.583.412.963	-	-	-	1.583.412.963
- Giảm khác	-	-	-	-	(1.006.800.000)	(1.006.800.000)
Số dư cuối kỳ	600.482.044.894	750.259.726.123	35.671.461.221	7.193.816.599	27.753.114.370	1.421.360.163.207
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	378.271.724.408	668.558.472.012	33.408.883.249	5.964.978.471	28.759.914.370	1.114.963.972.510
- Khấu hao trong kỳ	12.069.179.304	8.277.203.495	525.623.856	189.582.746	-	21.061.589.401
- Giảm khác	-	-	-	-	(1.006.800.000)	(1.006.800.000)
Số dư cuối kỳ	390.340.903.712	676.835.675.507	33.934.507.105	6.154.561.217	27.753.114.370	1.135.018.761.911
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu kỳ	222.210.320.486	79.555.169.935	2.262.577.972	1.090.745.534	-	305.118.813.927
Số dư cuối kỳ	210.141.141.182	73.424.050.616	1.736.954.116	1.039.255.382	-	286.341.401.296

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 580.947.538.243 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 579.399.793.590 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng không sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 45.029.406.608 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 26.909.114.370 đồng).

Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình hỏng tạm thời không sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 55.138.288.672 đồng và 18.030.890.186 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 51.837.442.814 đồng và giá trị còn lại là 5.534.130.279 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	50.914.485.243	3.536.301.023	84.500.000	54.535.286.266
Số dư cuối kỳ	50.914.485.243	3.536.301.023	84.500.000	54.535.286.266
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	2.619.080.412	2.049.467.690	84.500.000	4.753.048.102
Khấu hao trong kỳ	196.500.000	90.533.928	-	287.033.928
Số dư cuối kỳ	2.815.580.412	2.140.001.618	84.500.000	5.040.082.030
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu kỳ	48.295.404.831	1.486.833.333	-	49.782.238.164
Số dư cuối kỳ	48.098.904.831	1.396.299.405	-	49.495.204.236

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 với giá trị là 1.655.801.023 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 1.655.801.023 VND).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Nhà tập thể nhà máy ô tô VEAM	159.363.000	159.363.000
Dự án máy kéo 4 bánh hạng trung (*)	53.507.597.654	53.507.597.654
Chi phí đầu tư phần mềm, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và các chi phí khác	511.780.736	397.077.033
Cộng	54.178.741.390	54.064.037.687

- (*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung thể hiện phí bản quyền chuyển giao công nghệ theo Hợp đồng số 02/VEAM-ISEKI/2016 ký ngày 05 tháng 07 năm 2016 với ISEKI & CO., LTD với số tiền là 56.529.995.370 đồng cho Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung tại Bim Sơn. Tổng Công ty đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ theo Công văn số 24/GCN-BKHCN tại ngày 02 tháng 08 năm 2016. Theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐQT ngày 26/6/2020 của Hội đồng Quản trị đã quyết nghị giao Tổng Giám đốc Tổng Công ty chỉ đạo triển khai các công việc tiếp tục đánh giá thị trường máy kéo bốn bánh (MK4B) theo hướng hợp tác với các đơn vị tư vấn đánh giá thị trường chuyên nghiệp để có cơ sở cho các quyết định đầu tư phát triển và thực hiện chế thử hợp số MK4B theo thiết kế của Li - xăng ISEKI nhằm tận dụng năng lực sản xuất cơ khí có sẵn của các đơn vị trong Tổng Công ty cũng như các đơn vị bên ngoài để giảm thiểu tối đa tổng mức đầu tư sản xuất.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho VEAM 48.943.720.130 đồng, VEAM được hoàn lại số tiền thuế nhà thầu đã nộp là 7.586.276.240 đồng. Các cá nhân có liên quan đã và đang thực hiện bồi thường cho Tổng Công ty theo bản án nêu trên. Khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản của Dự án "Đầu tư sản xuất máy kéo bốn bánh hạng trung" đã được ghi giảm giá trị tương ứng với số tiền các cá nhân có liên quan bồi thường khoảng 3 tỷ đồng từ các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****12. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.318.085.217	539.505.939
Các khoản bảo hiểm và lệ phí	389.242.950	261.958.311
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	677.347.344	312.769.577
Cộng	2.384.675.511	1.114.233.827
b. Dài hạn		
Chi phí thuê đất, văn phòng (i)	10.916.699.889	11.718.053.897
Giá trị thương hiệu (ii)	1.795.962.303	3.340.879.623
Công cụ dụng cụ, vận chuyển	3.979.933.762	4.737.648.416
Chi phí sửa chữa, cải tạo (iii)	5.695.971.396	7.102.716.087
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	2.829.647.490	2.253.979.455
Cộng	25.218.214.840	29.153.277.478
(i) Tiền thuê đất tại văn phòng số 90 - 92 Trần Bình Trọng - Thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 15 tháng 4 năm 2028 và tiền thuê đất trước theo hợp đồng thuê lại đất số 30/HĐTD.05 ngày 28 tháng 03 năm 2005 và các phụ lục đi kèm giữa Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước và Tổng Công ty Máy động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP từ ngày 28 tháng 03 năm 2025 đến ngày 29 tháng 12 năm 2048. Khoản này đã được bán giao cho Chi nhánh Tổng Công ty Máy động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP - Nhà máy Đức theo Biên bản bán giao tài sản hình thành sau đầu tư ngày 20 tháng 09 năm 2012.		
(ii) Thể hiện giá trị thương hiệu của Tổng Công ty được tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp và được phân bổ trong 10 năm.		
(iii) Thể hiện giá trị chi phí thi công xây dựng công trình cải tạo văn phòng Tổng Công ty.		

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Shanxi Victory Automobile Manufacturing Co., Ltd	7.296.486.493	6.524.381.571
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Ô tô Miền Trung	1.528.662.884	2.303.719.402
Công ty TNHH Đầu tư cacbon Việt Nam	1.164.475.440	1.075.674.960
Phải trả cho các đối tượng khác	27.130.969.686	13.145.648.705
Cộng	37.120.594.503	23.049.424.638
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	1.956.988.548	796.155.282
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)</i>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Ô tô Huan Tao	1.464.331.174	1.464.331.174
Công ty Cổ phần Cơ điện Việt Nam	945.560.441	945.560.441
Trả trước các đối tượng khác	388.334.265	687.478.091
Cộng	2.798.225.880	3.097.369.706

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí hoa hồng, bảo dưỡng	138.159.191	138.159.191
Chi phí vận chuyển, bảo hiểm, kho bãi (*)	9.785.496.579	9.785.496.579
Trích trước các chi phí khác	2.367.451.584	2.243.317.921
Cộng	12.291.107.354	12.166.973.691

(*) Khoản chi phí phải trả liên quan đến Hợp đồng dịch vụ vận chuyển ô tô tải số 20181230269/TCGc-VM ngày 21 tháng 01 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TCG và Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP. Nhà máy đã gửi các Văn bản số 117/CV-VM ngày 12 tháng 4 năm 2021; số 193/VMKTDV-PT ngày 31 tháng 5 năm 2021; số 77A/CV-VM ngày 26 tháng 4 năm 2022 đến Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TCG về việc hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo này, Nhà máy vẫn chưa nhận được phản hồi.

16. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý (*)	19.799.640.922	19.799.640.922
Kinh phí công đoàn	594.324.476	103.119.961
Các khoản bảo hiểm	439.964.533	6.705.585
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	26.449.816.576	28.684.416.280
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.580.495.830	1.586.720.992
Cộng	48.864.242.337	50.180.603.740

(*) Tài sản thừa chờ xử lý là hàng tồn kho thừa chưa rõ nguyên nhân phát hiện trong quá trình kiểm kê tại Nhà máy ô tô VEAM - Chi nhánh của Tổng Công ty theo Biên bản kiểm kê ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả kiểm kê số 38/BC-VM ngày 07 tháng 02 năm 2020 và Báo cáo kết quả kiểm kê số 150A/BC-HĐKK ngày 02 tháng 3 năm 2021, Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Kiểm kê; Biên bản họp về công tác kiểm kê năm 2021 số 01/BB-VM ngày 10 tháng 01 năm 2022; Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng Kiểm kê; Biên bản họp về công tác kiểm kê năm 2022 số 01/BB-VM ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Nhà máy ô tô VEAM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	275.136.897	32.305.428	288.165.947	530.997.416
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	44.799.955	392.283.226	347.483.271	-
Cộng	319.936.852	424.588.654	635.649.218	530.997.416
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	5.110.057.166	2.177.049.425	7.287.106.591	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	16.373.379.073	16.373.379.073	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	43.973.184	21.461.592	22.511.592
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	12.405.223.115	12.405.223.115	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.464.188.854	91.319.612.987	88.128.922.549	29.654.879.292
Thuế thu nhập cá nhân	1.731.549.311	16.311.306.902	16.004.365.522	2.038.490.691
Thuế tài nguyên	8.021.600	48.243.200	46.513.600	9.751.200
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	119.541.274	115.521.960	4.019.314
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.707.061.798	-	-	4.707.061.798
Các loại thuế khác	-	86.046.449	86.046.449	-
Cộng	38.020.878.729	138.884.375.609	140.468.540.451	36.436.713.887

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	13.288.000.000.000	(37.955.057)	6.253.513.438.801	19.541.475.483.744
Lãi trong kỳ	-	-	7.005.725.411.399	7.005.725.411.399
Chia cổ tức	-	-	(6.189.656.704.000)	(6.189.656.704.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(62.518.231.493)	(62.518.231.493)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	(1.331.042.339)	(1.331.042.339)
Số dư đầu kỳ này	13.288.000.000.000	(37.955.057)	7.005.732.872.368	20.293.694.917.311
Lãi trong kỳ này	-	-	6.547.168.632.802	6.547.168.632.802
Chia cổ tức (i)	-	-	(6.962.912.000.000)	(6.962.912.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(40.242.470.810)	(40.242.470.810)
Số dư cuối kỳ này	13.288.000.000.000	(37.955.057)	6.549.747.034.360	19.837.709.079.303

(i) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã thông qua Tờ trình số 411/TTr-HĐQT ngày 12/6/2026 của Hội đồng Quản trị về việc phân phối lợi nhuận 2025 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 40.242.470.810 đồng;
- Chia cổ tức bằng tiền mặt: 6.962.912.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu của Công ty

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
	sở hữu %	VND	sở hữu %	VND
Bộ Công Thương	88,47%	11.755.829.660.000	88,47%	11.755.829.660.000
Các cổ đông khác	11,53%	1.532.170.340.000	11,53%	1.532.170.340.000
Cộng	100%	13.288.000.000.000	100%	13.288.000.000.000

c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.328.800.000	1.328.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.328.800.000	1.328.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.328.800.000	1.328.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.328.800.000	1.328.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đồng Đô la Mỹ (USD)	156.116,45	337.939,60
Cộng	156.116,45	337.939,60

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh máy động lực và máy nông nghiệp. Trong kỳ, Tổng Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu (chi tiết tại Thuyết minh số VI.1). Do đó, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	385.605.257.328	188.983.196.299
Trong đó:		
- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	372.854.860.448	179.708.804.868
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.261.349.655	9.210.610.631
- Doanh thu khác	489.047.225	63.780.800
Các khoản giảm trừ doanh thu	42.526.382	38.400.000
Khoản doanh thu hàng bán bị trả lại	42.526.382	38.400.000
Cộng	385.562.730.946	188.944.796.299
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	9.995.593.050	23.562.094.788

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán của sản phẩm, hàng hóa đã bán	450.908.095.604	156.019.073.972
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.556.779.932	4.469.215.232
Giá vốn khác	1.068.617.214	222.200.273
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	7.026.211.726	11.376.242.246
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(108.651.084.442)	29.107.179.550
Cộng	355.908.620.034	201.193.911.273

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	501.779.706.533	385.424.686.548
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.185.896.013.707	5.933.405.730.421
Lãi tiền hỗ trợ vốn	234.988.814	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	424.191.662	756.953.872
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	11.316.419
Cộng	6.688.334.900.716	6.319.598.687.260
Doanh thu hoạt động tài chính với bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)	6.186.131.002.521	5.933.405.730.421

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(8.731.466.104)	(4.775.903.988)
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	782.350.956	131.081.035
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	15.358.519	-
Cộng	(7.933.756.629)	(4.644.822.953)

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	4.354.871.923	3.373.339.318
Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ đồ dùng	646.537.451	208.325.420
Chi phí khấu hao TSCĐ	202.877.234	213.590.265
Trích lập chi phí bảo hành	209.060.234	57.362.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.521.448.105	2.312.806.793
Chi phí bằng tiền khác	1.677.252.747	3.783.429.530
Cộng	11.612.047.694	9.948.853.978

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	44.106.073.874	46.682.307.457
Chi phí vật liệu quản lý	894.273.991	643.651.243
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.928.211.644	5.589.833.360
Hoàn nhập dự phòng	(1.670.468.461)	(2.885.799.853)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.911.775.365	3.976.649.591
Chi phí bằng tiền khác	18.271.887.266	15.971.903.409
Cộng	73.441.753.679	69.978.545.207

7. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu tiền đền bù, bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm hợp đồng	2.790.684.709	229.670.657
Thu nhập khác	123.811.794	384.797.691
Cộng	2.914.496.503	614.468.348

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	867.812.808	867.812.808
Các khoản bị phạt thuế, vi phạm hành chính	4.412.913.424	19.079.072
Chi phí khác	14.491.366	30.967.401
Cộng	5.295.217.598	917.859.281

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thuế TNDN văn phòng và Chi nhánh hạch toán phụ thuộc	89.418.743.621	65.607.176.260
Thuế TNDN Nhà máy Đức VEAM	1.900.869.366	2.824.393.968
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	91.319.612.987	68.431.570.228

10. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu, đối với trường hợp Tổng Công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Do đó, Tổng Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

11. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	247.900.459.386	117.833.156.436
Chi phí nhân công	75.487.232.072	73.218.899.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.514.631.077	22.295.020.224
Trích lập /(Hoàn nhập) dự phòng	(102.072.376.097)	26.218.919.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.834.658.698	19.102.537.043
Chi phí khác bằng tiền	22.133.173.725	22.124.433.099
Cộng	288.797.778.861	280.792.966.348

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác số 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	Công ty con
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	Công ty con
Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	Công ty con
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Công ty con
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Công ty con
Viện Công nghệ	Công ty con
Veam Korea Corporation	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh	Công ty con
Công ty Cổ phần Nakycó	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ	Công ty liên kết
Công ty Honda Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty TNHH Mekong Auto	Đơn vị nhận đầu tư vốn
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông lớn	Điều hành Công ty

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng	9.995.593.050	23.562.094.788
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	9.599.282.523	23.213.166.610
Cổng ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	396.310.527	348.928.178
Mua hàng	9.820.121.537	3.117.757.100
Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác số 1	4.550.051.701	1.170.664.196
Cổng ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	2.207.192.390	177.700.000
Cổng ty Cổ phần Vật Tư và Thiết Bị Toàn Bộ	1.646.101.450	-
Cổng ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	847.689.290	854.356.672
Cổng ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ	467.745.706	831.536.832
Cổng ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	51.541.000	33.699.400
Cổng ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	49.800.000	49.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.185.896.013.707	5.933.405.730.421
Công ty Honda Việt Nam	6.183.878.083.707	5.931.764.124.421
Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác số 1	1.566.720.000	1.370.880.000
Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ	451.210.000	270.726.000
Lãi hỗ trợ vốn	234.988.814	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh	199.554.766	-
Công ty Cổ phần NAKYCO	35.434.048	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu khách hàng	279.924.304.071	282.014.295.295
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	69.260.344.132	69.295.040.391
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	63.363.229.532	63.363.229.532
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	22.356.087.086	22.386.087.086
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn bộ	13.205.936.501	13.205.936.501
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy Nông nghiệp Miền Nam	7.569.519.949	9.564.814.914
Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh	5.967.364.958	5.967.364.958
Công ty Cổ phần Nakycos	2.120.499.976	2.150.499.976
Viện Công nghệ	675.920.500	675.920.500
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh	93.233.179.437	93.233.179.437
Công ty TNHH Mekong Auto	2.172.222.000	2.172.222.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	176.179.728.269	176.179.728.269
Chi nhánh Công ty Matexim Hải Phòng tại Quảng Ninh	6.500.000.000	6.500.000.000
Công ty Cổ phần Nakycos	70.000.000	70.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	169.609.728.269	169.609.728.269
Phải thu về tiền gốc hỗ trợ vốn	507.529.028.773	508.976.028.773
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	120.776.919.286	121.126.919.286
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	273.347.837.417	273.347.837.417
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	21.928.009.550	22.525.009.550
Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh	8.471.938.310	8.471.938.310
Công ty Cổ phần Nakycos	1.504.324.210	1.504.324.210
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	81.500.000.000	82.000.000.000
Phải thu về tiền lãi hỗ trợ vốn	85.590.974.219	85.395.255.405
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	34.234.914.328	34.234.914.328
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	30.929.912.783	30.929.912.783
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	6.927.195.494	6.927.195.494
Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh	5.430.701.438	5.231.146.672
Công ty Cổ phần Nakycos	1.494.202.807	1.458.768.759
Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	2.494.703.321	2.533.973.321
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	4.079.344.048	4.079.344.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	6.208.213.843.207	3.102.986.069.836
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	-	92.745.716.628
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	1.868.256.000	1.868.256.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	22.266.600.000	22.266.600.000
Công ty Cổ phần Nakycó	200.903.500	200.903.500
Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1	-	20.022.531.498
Công ty Honda Việt Nam	6.183.878.083.707	2.965.882.062.210
Phải thu khác	34.649.105.066	34.979.105.066
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	11.579.879.104	11.879.879.104
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	8.238.468.804	8.268.468.804
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy Nông nghiệp Miền Nam	13.733.472.732	13.733.472.732
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng và các chi nhánh	977.380.322	977.380.322
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	82.800.000	82.800.000
Viện Công nghệ	37.104.104	37.104.104
Phải trả người bán ngắn hạn	1.956.988.548	796.155.282
Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác số 1	1.485.063.913	704.836.452
Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	436.554.635	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	35.370.000	26.218.080
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	-	65.100.750

2. CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (i)	1.514.090.910	1.611.550.805

- (i) Khoản thanh toán và phân bổ thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng và thuê kho tại các địa điểm sau:
- Khoản thuê Văn phòng tại số 90 - 92 Trần Bình Trọng, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT/2008 ký ngày 04 tháng 8 năm 2008 và Phụ lục ngày 08 tháng 12 năm 2010 với Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam, thời hạn thuê 20 năm từ ngày 15 tháng 4 năm 2008. Tiền thuê đã trả một lần là 30.645.000.000 đồng.
 - Khoản thuê đất và tài sản trên đất tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh theo Hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT/TAMAC-VEAM/2025 ký ngày 31 tháng 12 năm 2025. Bên cho thuê: Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp, thời hạn thuê 10 tháng từ ngày 02 tháng 09 năm 2025 đến ngày 02 tháng 07 năm 2026, đơn giá thuê 1.495.000.000 đồng/năm.
 - Khoản thuê kho tại Tổ 22, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng số 1512/HĐ-VEAM-CPLOA ký ngày 15 tháng 12 năm 2023 và Phụ lục số 002/2025/VEAM-COLOA ngày 30 tháng 12 năm 2025. Bên cho thuê: Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa, thời hạn thuê 12 tháng đến ngày 31 tháng 12 năm 2026, đơn giá thuê 78.540.000 đồng/năm.
 - Khoản thuê kho tại Khu phố 1, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng số 001/HĐ-VEAM/SVEAM/2025 ký ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Phụ lục số 001/2025/VEAM – SVEAM ngày 31 tháng 12 năm 2025. Bên cho thuê: Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam, thời hạn thuê 12 tháng đến ngày 31 tháng 12 năm 2026, đơn giá thuê 99.600.000 đồng/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. CAM KẾT HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

- Nhà máy ô tô VEAM (Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty) đang sử dụng thửa đất được thuê tại phường Bắc Sơn, thị xã Bím Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo hợp đồng số 212/HĐ/TĐ ngày 18/12/2006 giữa Tổng Công ty và UBND tỉnh Thanh Hóa để sử dụng với mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh từ năm 2004 đến năm 2054. Diện tích tổng khu đất thuê là 288.804,9 m². Theo các hợp đồng này, Nhà máy ô tô VEAM phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng 1 năm	85.500.000	354.343.182
Cộng	85.500.000	354.343.182

3. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

4. THÔNG TIN KHÁC

Quyết toán cổ phần hóa

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của các cơ quan có thẩm quyền tại ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần. Đồng thời các lô đất thuê trong toàn Tổng Công ty đang được rà soát để ký lại các hợp đồng thuê đất khi Tổng Công ty chuyển từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần với các cơ quan có thẩm quyền.

Các thông tin khác

Tổng Công ty đang thực hiện các kết luận tại Kết luận thanh tra số 1538/KL-TTCTP ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Thanh tra Chính phủ về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công Thương và Kết luận số 3202/KL-BCT ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Bộ Công Thương về thanh tra công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản; tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; công tác tổ chức cán bộ tại Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP. Trong thời gian tới, Tổng Công ty sẽ tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện theo các kết luận và định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện cũng như các vướng mắc trong quá trình triển khai đến các cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2022/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số V.4, V.5, V.11). Trong 06 tháng đầu năm 2026, Công ty đã thu được 2.554.177.000 đồng theo Bản án số 580/2025/HSST. Trong thời gian tới, Tổng Công ty sẽ tiếp tục phối hợp với Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để có cơ sở đẩy mạnh việc thu hồi toàn bộ số tiền theo các bản án nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Các thông tin khác (Tiếp theo)

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 855/2023/HS-PT ngày 15/11/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 234/2023/HS-ST ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, các cá nhân có liên quan trong việc mua bán xe ô tô giảm giá trái quy định định; mua sắm, lắp, yếm trái quy định phải bồi thường cho Nhà máy ô tô VEAM số tiền lần lượt là 55.673.446.360 VND và 16.828.878.687 VND, buộc các cá nhân có liên quan phải trả lại cho Nhà máy ô tô VEAM số tiền lần lượt là 2.417.298.653 VND và 1.468.609.133 VND. Đồng thời, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Ngày 23/01/2024, Giám đốc Nhà máy ô tô VEAM đã gửi Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội Đơn yêu cầu thi hành án với các nội dung tại các Bản án nêu trên. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa ghi nhận các khoản phải thu theo kết quả bản án và tiền lãi chậm trả tương ứng theo nguyên tắc thận trọng do các khoản công nợ phải thu này chưa xác định được thời gian thu.

5. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu kỳ trước đã được trình bày lại theo hướng dẫn tại điều khoản chuyển tiếp của Thông tư 99 và được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh, phân loại lại đến Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 01 tháng 01 năm 2026:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo (VND)	Trình bày lại (VND)	Số sau trình bày lại (VND)
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	12.558.980.000.000	489.026.952.697	13.048.006.952.697
2. Phải thu ngắn hạn khác	135	4.251.118.835.057	(489.026.952.697)	3.762.091.882.360
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	6.369.682.402	6.369.682.402
4. Phải trả ngắn hạn khác	320	56.550.286.142	(6.369.682.402)	50.180.603.740
5. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	(37.955.057)	(37.955.057)
6. Nguồn kinh phí		(37.955.057)	37.955.057	-


Bùi Tuấn Anh
Người lập biểu


Nguyễn Minh Thắng
Phụ trách kế toán



Nguyễn Hoàng Giang
Tổng Giám đốc
Phê duyệt
Ngày 22 tháng 08 năm 2026